

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07-10-2019

V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hương

Bà Đinh Thị Kiều Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NTT; địa chỉ: Số 14/79 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông HDC; địa chỉ: Số 228 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà NTT trình bày:

Bà NTT và ông HDC chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng về tính cách, lối sống nên đã sống ly thân mỗi người một

nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay, bà NTT cho rằng tình cảm giữa hai bên không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà và ông HDC theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là G, sinh năm 1993 và H, sinh năm 1999 đều đã thành niên và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 12 tháng 9 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông HDC xác nhận Ông và bà NTT chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn như bà NTT trình bày là đúng. Nay, bà NTT yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên, ông HDC đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông HDC xác nhận Ông và bà NTT có 02 con như bà NTT trình bày là đúng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ. Thẩm phán đã thực hiện đúng về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà NTT và ông HDC; về con chung: Bà NTT và ông HDC có 02 con là G, sinh năm 1993 và H, sinh năm 1999 đều đã thành niên nên không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng; về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Bà NTT phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về căn cứ không công nhận quan hệ vợ chồng: Xét thấy bà NTT và ông HDC chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình về đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà NTT và ông HDC chung sống với nhau như vợ chồng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, bà NTT yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà và ông HDC để ổn định cuộc sống riêng của mỗi bên, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Xét yêu cầu của bà NTT là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội nên chấp nhận yêu cầu của bà NTT. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà NTT và ông HDC.

[2] Về con chung: Bà NTT và ông HDC có 02 con là G, sinh năm 1993 và H, sinh năm 1999 đều đã thành niên và có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà NTT phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà NTT và ông HDC.

2. Về án phí: Bà NTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008339 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà NTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Hữu Hường